

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG CHẤT MA TÚY TỔNG HỢP ATS Ở CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ PHÍA NAM

Nguyễn Đăng Tiến*

Bùi Tùng Hiệp**

TÓM TẮT

Các chất ma túy tổng hợp ATS (amphetamines type stimulants) có tác dụng kích thích thần kinh trung ương, tăng thể lực tạm thời, gây chán ăn và ở liều cao có tác dụng gây ảo giác. ATS rất phổ biến và dễ thâm nhập trong giới trẻ, sinh viên, học sinh, các vận động viên thể thao, tài xế, thậm chí cả trong các nhà quản lý - điều hành. ATS ngày càng xuất hiện nhiều và phức tạp trên thị trường bất hợp pháp ở các tỉnh, thành phố phía Nam và trong cả nước. Nghiên cứu các vụ giám định ma túy tổng hợp ở Phân viện Khoa học hình sự, Bộ Công an trong 10 năm nhằm phân tích đánh giá sự đa dạng, phức tạp cả về thể loại và lôgô, màu sắc các sản phẩm trong những vụ ma túy bắt được ở các tỉnh, thành phố phía Nam.

* Từ khóa: Ma túy; Ma túy tổng hợp ATS.

STUDY OF ATS SYNTHESIS NARCOTIC DRUGS IN SOUTH CITIES AND PROVINCES

Nguyen Dang Tien

Bui Tung Hiep

SUMMARY

The amphetamines synthesis narcotic drugs (ATS), that have stimulated the central nervous system, increasing temporary health, unappetite and hallucination if addicts use them for high doses. ATS are very popular and easy to abuse in the youths, students, pupils, athletes, drivers, managing directors. ATS appear more and more and so complication on illegal market in South provinces and cities, and all our country. Study, examine the seized narcotic drug cases for ten years at Sub-Institute of Forensic science, Ministry of Public Security; describe, discern and estimate the many categories, complication of the forms and products' logo-color of narcotic drug cases which were caught in South cities and provinces.

* Key words: Narcotic drugs; ATS synthesis narcotic drugs.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Các chất ATS thuộc nhóm ma túy có tác dụng kích thích (thuốc lắc) [1, 2], gây tác hại cho sức khỏe, làm suy giảm đạo đức, phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc

gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội.

Trong những năm gần đây, số vụ án phạm tội về sử dụng, buôn bán, vận chuyển, sản xuất và tàng trữ các chất ma túy tổng

* Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an

** Bình viện Cảnh sát Trừng Vong

Phân biên khoa học: PGS. TS. Nguyễn Văn Minh

hợp ATS gia tăng [3] và ngày càng phức tạp. Tuy mức độ gây nghiện, sự lệ thuộc về thể chất và tinh thần không cao bằng các chất ma túy như heroin, thuốc phiện, cần sa, nhưng cũng gây nhiều hậu quả cho cá nhân, gia đình và xã hội. Sau khi sử dụng chất ma túy tổng hợp ATS, các đối tượng thường có xu hướng bạo lực, gây gia tăng các vụ phạm pháp hình sự, quan hệ tình dục không kiểm soát dẫn đến nguy cơ rất cao lây nhiễm HIV/AIDS. Các mẫu ma túy tổng hợp rất đa dạng, phức tạp. Do đó, việc xác định các chất ma túy tổng hợp ATS phải đảm bảo yêu cầu của pháp luật: tính đại diện, toàn vẹn, kịp thời, chính xác, khách quan.

Chính vì vậy, đề tài tập trung vào 2 mục tiêu:

- Khảo sát tổng quan về các chất ma túy tổng hợp ATS.
- Đánh giá, phân tích, phân loại các chất, các dạng, lô gô, màu sắc của chế phẩm chất ma túy tổng hợp ATS thường được sử dụng trên thị trường bất hợp pháp.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu.

- Các chất ma túy tổng hợp ATS trên thế giới.
- Mẫu ma túy tổng hợp ATS bắt được trong các vụ án ở các tỉnh, thành phố phía Nam: các dạng, loại, lô gô, màu sắc, quy cách đóng gói...

2. Phương pháp nghiên cứu.

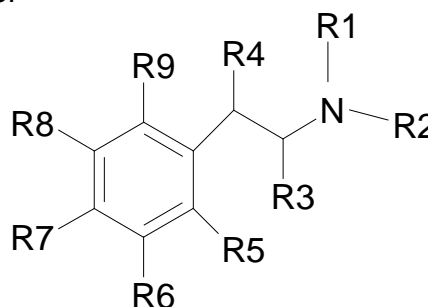
- Khảo sát tổng quan các chất ma túy tổng hợp ATS.
- Tổng kết các vụ giám định ma túy tổng hợp ATS trong 10 năm: thống kê, thể loại, dạng tồn tại, lô gô, màu sắc, khả năng nhận biết ban đầu.

- Phân tích đánh giá tình hình các chất ma túy ATS được buôn bán, sử dụng, sản xuất, vận chuyển, tàng trữ bất hợp pháp ở các tỉnh, thành phố phía Nam.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Các chất ma túy tổng hợp ATS trên thế giới.

Công thức hóa học chung của các chất ATS:



Thay thế các gốc R1-R9 sẽ cho chất ma túy tổng hợp ATS khác nhau. Hiện nay, có 64 chất được biết trên thế giới [2, 5, 6, 7, 8].

* Các chất amphetamine không thay thế trên vòng benzen:

Amphetamine: $C_9H_{13}N$.

Methamphetamine (hồng phiến): $C_{10}H_{15}N$.

N-ethylamphetamine: $C_{11}H_{17}N$.

Dimethylamphetamine: $C_{11}H_{17}N$.

N-hydroxyamphetamine: $C_9H_{13}NO$.

N-hydroxymethamphetamine: $C_{10}H_{15}NO$.

Cathine: $C_9H_{13}NO$.

Fenetylline: $C_{18}H_{23}N_5O_2$.

Phenylpropylmethylamine (PPMA): $C_{11}H_{17}N$.

Hiện có 11 chất trong nhóm này.

* Các chất amphetamine thay thế methylenedioxy trên vòng benzen:

3,4-Methylenedioxy-amphetamine (tenamfetamine, MDA): $C_{10}H_{13}NO_2$.

3,4-Methylenedioxy-methamphetamine (MDMA, ecstasy, adam): $C_{11}H_{15}NO_2$.

3,4-Methylenedioxy-ethylamphetamine (MDE, MDEA): $C_{12}H_{17}NO_2$.

3,4-Methylenedioxy-N,N-dimethylamphetamine (MDDM): $C_{12}H_{17}NO_2$.

N-methyl-1- (3,4-methylenedioxyphenyl)-2-butanamine (MBDB): $C_{12}H_{17}NO_2$.

Hiện có 9 chất thuộc nhóm này.

* Các chất amphetamine có nhóm thế khác trên vòng benzen:

4-Bromo-2,5-dimethoxy-phenethylamine (2C-B, nexus): $C_{10}H_{14}BrNO_2$.

4-Methylthio-2,5-dimethoxy-phenethylamine (2C-T): $C_{11}H_{17}SNO_2$.

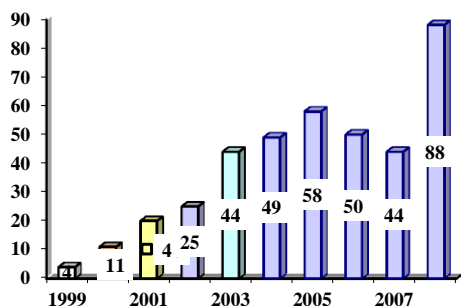
4-Ethylthio-2,5-dimethoxy-phenethylamine (2C-T-2): $C_{12}H_{19}SNO_2$.

4-Propylthio-2,5-dimethoxy-phenethylamine (2C-T-7): $C_{12}H_{19}SNO_2$.

Hiện có 44 chất thuộc nhóm này.

Các chất ma túy tổng hợp ATS thường được sử dụng qua đường tiêm, uống, hít, hay hút. Chế phẩm ở dạng bột, viên nén là chủ yếu, đôi khi có dạng viên nang.

2. Các vụ giám định ma túy tổng hợp ATS trong 10 năm ở Phân Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an.



Biểu đồ 1: Số vụ giám định các chất ma túy tổng hợp ATS.

- Năm 1995, phát hiện vụ sản xuất 234 kg methamphetamine dạng tinh thể (Ice) ở TP. Hồ Chí Minh, đến cuối năm 2008 phát hiện tiếp vụ sản xuất methamphetamine trở lại. Phát hiện nhiều vụ sản xuất viên ma túy tổng hợp ATS năm 2003, 2005, 2008 với nhiều dạng lô gô khác nhau và đã thu được cả máy dập viên và các mẫu chày, cối [3].

- Năm 2008 có nhiều vụ nhất (88 vụ): xuất hiện nhiều loại viên có lô gô hình 2 trái tim lồng nhau chứa MDMA ở các tỉnh phía Nam, có đặc điểm rất giống viên loại này trong vụ sản xuất viên ma túy tổng hợp ở Hải Phòng với gần 100.000 viên.

- Có những vụ vận chuyển với số lượng lớn đến 160.000 viên màu hồng có lô gô WY chứa thành phần methamphetamine từ Campuchia vào tỉnh Kiên Giang, sau đó vận chuyển đến TP. Hồ Chí Minh, các vụ nhập lậu của khách nước ngoài với hàng nghìn viên có lô gô hình trái tim chìm, siêu nhân, tia chớp, Honda, TOP chứa MDMA.

- Lần đầu tiên phát hiện 2C-B (nexus) trong viên thuốc có lô gô hình đầu con chó, hình hoa mai in chìm màu tím, cây nấm in chìm màu nâu nhạt, hình khuôn nhạc màu hồng... ở Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu và Hà Nội năm 2007. Đây là một chất ma túy ATS khá mới, được phát hiện lần đầu tiên ở Nhật năm 1995.

- Các mẫu methamphetamine dạng tinh thể (Ice) được chia liều trong túi nylon khoảng 20 mg. Các vụ buôn bán lớn hơn thì phân thành chỉ, lượng, cây, thậm chí còn có loại cả 1 kg/gói.

- Các viên WY thường gói trong túi nylon màu xanh dương, mỗi gói 200 viên, trọng lượng từ 85 - 95 mg/viên, mỗi túi có 2 viên

màu xanh lá cây cũng có lô gô WY. Cách đóng gói này giống với cách đóng gói trong các vụ ở Campuchia, Thái Lan, Lào.

- Trong cùng một vụ, đôi khi chứa nhiều loại, lô gô, màu sắc ma túy tổng hợp khác nhau: dạng viên, bột, tinh thể.

- Ma túy tổng hợp ATS đã xuất hiện ở cả các tỉnh rất xa thành phố lớn như Bình Thuận, Sóc Trăng, Bạc Liêu.

- Các chất ma túy tổng hợp ATS gặp chủ yếu trong những vụ ma túy bắt được ở các tỉnh, thành phố phía Nam, đó là MDMA (ecstasy, nữ hoàng, thần vệ nữ, adam...) được biết như là "Shake Head Pill". Các chất khác như amphetamine, methamphetamine (MA: hồng phiến), MDA, MDEA, MBDB cũng là chất ma túy "Rave Party". Các thành phần khác DOB, 2C-B, các chất 2Cs khác như 2C-T4, 2C-T7, PMAs tương đối ít gặp hơn. Các chất ma túy ATS thường tồn tại trên thị trường ở dạng muối như chlorid, sulfate... Các chất khác chưa phát hiện hoặc phát hiện ở dạng vết trong viên thuốc chứa MDMA, methamphetamine.

- Các chất pha trộn: thường gặp phối hợp với ketamine (thuốc tiền mê dùng phổ biến trong y học), caffeine, phenobarbital, methaqualone, ephedrine, pseudoephedrine, một số benzodiazepam (diazepam), phenothiazines, paracetamol... hoặc làm giả hoàn toàn: phối hợp các chất giả hay chỉ có 1 chất.

BÀN LUẬN

- Từ đặc điểm rất đa dạng và quá trình nghiên cứu khảo sát chất ma túy tổng hợp ATS ở các tỉnh, thành phố phía Nam và thực tiễn tình hình ma túy tổng hợp của cả nước, cho thấy: ở trong nước, vừa sản xuất nguyên liệu (tổng hợp chất ma túy MA dạng

tinh thể (Ice) phát hiện ở TP. Hồ Chí Minh, vừa tổ chức sản xuất viên, pha trộn với chất độn hoặc chất pha loãng rồi dập lại viên ma túy các loại, vận chuyển qua nhiều tuyến cửa khẩu, biên giới, tổ chức buôn bán và sử dụng.

- Tùy đặc điểm địa lý và con người của từng nước mà tần suất phát hiện chất ma túy tổng hợp khác nhau: ở Thụy Điển, amphetamine được phát hiện nhiều hơn. Ở Thái Lan, ma túy tổng hợp chủ yếu là methamphetamine (yaba). Ở Đức phát hiện MDMA và ma túy tổng hợp mới như 2C-B, 2C-T4, 2C-7. Ở Nhật Bản, Úc, các chất ma túy tổng hợp và chất ma túy tổng hợp mới. Ở Việt Nam, Lào, Trung Quốc, Malaysia, Philippin..., các loại ATS chủ yếu vẫn là MA, MDMA.

- Chất ma túy tổng hợp thuộc nhóm amphetamins thường lưu hành trên thị trường, chủ yếu ở dạng viên, bột, tinh thể; trong đó, dạng viên rất đa dạng về hình thức, màu sắc, kích thước và trên mặt có hình lô gô đặc biệt (tín hiệu vật lý) như: tia chớp, rolex, siêu nhân, chuột Mickey, mặt người, các biểu tượng, trái tim, ký tự các chữ cái... Những đặc điểm này có ý nghĩa cho việc định hướng nhận biết ban đầu các chất ATS của lực lượng phòng chống và giám định ma túy.

- Nhiều trường hợp các viên ma túy tổng hợp ATS có chứa thành phần heroin. Điều này rất nguy hiểm vì đối tượng nghiện cả 2 nhóm chất ma túy: viên lô gô hình con nhện màu tím, con bướm vàng in nổi, XO màu vàng, Mitsubishi màu trắng...

- Các tiền chất chưa được quản lý chặt chẽ, do những chất này sử dụng rất phổ biến trong dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm với nhiều biệt dược. Tuy nhiên, chúng

lại là chất gốc để tổng hợp amphetamine, methamphetamine.

- Các chất ma túy tổng hợp mới được phát hiện hoặc tân dược bị lạm dụng đã kịp thời bổ sung vào danh mục các chất ma túy (2C-B, tramadol, zolpidem) theo Nghị định 163/NĐ-CP ngày 12 - 11 - 2007 của Chính phủ.

KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu khảo sát gần 500 vụ với khoảng 5.000 mẫu về thể loại, dạng xuất hiện, hình dạng, kích thước, lô gô, màu sắc viên ma túy tổng hợp ATS ở các tỉnh, thành phố phía Nam, chúng tôi rút ra kết luận sau:

- Các chất ma túy tổng hợp ATS ngày càng gia tăng và rất đa dạng về thể loại, dạng sản phẩm: chất ma túy mới 2C-B và nhóm 2C-T4, 2C-T7 dạng bột, viên; methamphetamine dạng đá, viên; ketamine, MDMA dạng bột, viên; MDEA, MBDB, dimethylamphetamine ở dạng viên; các viên chứa ephedrine, pseudoephedrine...

- Đặc điểm vật lý của viên ma túy tổng hợp ATS ngoài việc đáp ứng được yêu cầu thực tế của công tác điều tra, truy tố, xét xử, đồng thời rất cần thiết trong truy nguyên nguồn gốc các chất ma túy.

- Các viên ma túy tổng hợp ATS ở dạng viên nén với hình dạng, màu sắc, kích thước, lô gô, hàm lượng, thành phần rất đa dạng và phức tạp.

- Buôn bán, vận chuyển ma túy tổng hợp có mạng lưới, hệ thống xuyên quốc gia với số lượng lớn và nhiều nguồn khác nhau.

- Tại Việt Nam, đã tổng hợp ra nguyên liệu methamphetamine và sản xuất viên có chứa MDMA, MA. Có sự lạm dụng và pha

trộn ketamine, caffeine trong các viên ma túy tổng hợp. Nhiều trường hợp có thành phần heroin.

- Việc sử dụng ma túy tổng hợp ATS thường tập trung ở vũ trường, quán bar, quán karaoke và có tính tập thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

1. Trần Thị Thu Hằng. Dược lực học. Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh. 2003, tr.62-95.

2. Nghị định 67/NĐ-CP ngày 01-10-2001, 133/NĐ-CP ngày 06-11-2003, 163/NĐ-CP ngày 12-11-2007 của Chính phủ ban hành danh mục các chất ma túy và tiền chất.

3. Công ước Quốc tế của Liên Hợp Quốc về thuốc gây nghiện và thuốc hướng thần dưới sự kiểm soát của UN. 1961, 1971, 1988.

4. Multilingual dictionary of narcotic drugs and psychotropic substances under International control. ST/ Nar/1/Rev.2. United Nations publication. 2006.

5. Recommended methods for the identification and analysis of amphetamine, methamphetamine and their ring - substituted analogues in seized material (revised and update). ST/Nar/34. United Nations. New York. 2006.

6. Anthony C. Moffat, M. David Osselton, Brian Widdop. Clarke's analysis of drugs and poisons. E.rd v.2 Pharmaceutical press. 2004, pp.612-613, 978-979, 1226-1228, 1254-1259, 1504-1505.

7. Munehiro Katagi, Hitoshi Tuchihasi. Update on clandestine amphetamine and their analogues recently seen in Japan. Journal of Health science. 2002, 48, pp.14-21.

